

Bản án số 193/2017/DS-PT

Ngày 21-8 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 85/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến T; địa chỉ: 18 W.Ave, Australia; chỗ ở hiện nay: Thánh thất Cao Đài, Tổ 47, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh C (có mặt); địa chỉ: Số 24, đường Lê Công N, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2016).

- Bị đơn: Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1

Cùng địa chỉ: Số 109/15 G H, Khóm 8, Phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cao Quốc T1; địa chỉ: Số 231, đường Phan Bội C, Phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/4/2015).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Phúc N; địa chỉ: Số 37/5, Trường Huệ, xã Trường T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Minh C, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Yến T; ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2014, Biên bản hòa giải ngày 23/12/2014 bà Nguyễn Thị Yến T và người đại diện của bà T trình bày:

Vào năm 2008, bà T bảo lãnh cho ông L và bà C1 sang nước Úc để du học. Quá trình làm thủ tục du học và nhập học do ông L và bà C1 thiếu tiền nên có vay không lãi suất của bà T nhiều lần với tổng số tiền 31.000 Đôla Úc (AUD) tương đương 558.000.000 đồng, khi vay ông L có viết biên nhận, sau đó nhiều lần, bà T yêu cầu ông L và bà C1 trả tiền nhưng ông bà không trả, nay bà T khởi kiện yêu cầu ông L và bà C1 phải trả lại số tiền 558.000.000 đồng nói trên cho bà.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/12/2014, Biên bản đối chất ngày 30/01/2015, Biên bản hòa giải ngày 04/02/2015 bị đơn là ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 trình bày:

Ông L và bà C1 thừa nhận có đi du học tại nước Úc và năm 2009 ông bà có mượn của bà T số tiền 31.000 Đôla Úc (AUD) như phía bà T trình bày là đúng. Nhưng sau đó, ông bà đã trả tiền cho bà T qua hệ thống Ngân hàng Westpac cụ thể các lần ông bà chuyển tiền trả như sau:

- Khoảng thời gian từ ngày 22/02/2010 đến ngày 25/02/2010, không nhớ rõ ngày, chuyển trả số tiền 6.000 AUD.

- Ngày 29/3/2010 số tiền chuyển là 5.000 AUD.

- Ngày 23/4/2010 số tiền chuyển là 5.000 AUD.

- Ngày 24/5/2010 số tiền chuyển là 5.000 AUD.

- Ngày 30/6/2010 số tiền chuyển là 2.000 AUD.

- Ngày 02/8/2010 số tiền chuyển là 4.000 AUD.

- Ngày 17/9/2010 số tiền chuyển là 2.000 AUD.

- Ngày 18/11/2010 số tiền chuyển là 2.000 AUD.

- Ngày 09/12/2010 số tiền chuyển là 2.500 AUD.

Tổng cộng là 33.500 Đôla Úc (AUD), trong đó: tiền vốn là 31.000 AUD và tiền lãi là 2.500 AUD. Trước yêu cầu của bà T thì ông L và bà C1 không đồng ý vì ông bà đã thanh toán cho bà T xong.

Ngoài ra, ông L và bà C1 xác định ông, bà có viết biên nhận mượn của bà T 31.000 AUD nhưng biên nhận mà bà T cung cấp cho Tòa án không phải là biên nhận mà ông, bà đã viết.

Đối với số tiền 6.000 AUD mà ông, bà chuyển trả cho bà T thì ông bà không còn giữ hóa đơn, chứng từ.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/4/2015, ông L và bà C1 xác định trong các lần chuyển tiền cho bà T thì ông L, bà C1 có nhờ một người tên Đ đi gửi giùm

nhưng ông, bà không cung cấp được địa chỉ nên không yêu cầu Tòa án xác minh đối với ông Đ.

Tại Biên bản đối chất ngày 30/01/2015, Biên bản hòa giải ngày 04/02/2015 bà Nguyễn Thị Yến T trình bày:

Bà T thừa nhận có nhận được các khoản tiền được chuyển vào tài khoản của bà vào các ngày 29/3/2010, 23/4/2010, 24/5/2010, 30/6/2010, 02/8/2010, 17/9/2010, 18/11/2010 nhưng các khoản tiền trên là do anh ruột của bà là Nguyễn Phúc N nhờ người chuyển trả cho bà, hoàn toàn không phải tiền của ông L, bà C1 trả. Riêng đối với số tiền 6.000 AUD chuyển vào ngày 24/02/2010 thì bà T không có nhận, đối với số tiền 2.500 AUD chuyển vào ngày 09/12/2010 thì bà T không xác định được có chuyển vào tài khoản của bà hay không.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phúc N trình bày tại đơn trình bày và yêu cầu ngày 01/7/2016:

Trong thời gian làm việc cho một người chủ tên Đ ở Úc cùng với ông L thì ông N có nhờ ông Đ chuyển tiền lương của ông N vào tài khoản của bà T từ tháng 3/2010 đến tháng 11/2010 tổng cộng là 07 lần với tổng số tiền 25.000 AUD. Sau mỗi lần chuyển tiền thì ông Đ có đưa lai chuyển tiền cho ông N. Đến tháng 12/2010, ông N về Việt Nam, vì thấy không cần thiết nên đã bỏ lại các lai chuyển tiền nói trên. Khi tranh chấp giữa bà T và ông L phát sinh thì ông L đã lấy 07 lai chuyển tiền nói trên để cung cấp cho Tòa án và cho rằng đã chuyển tiền trả cho bà T.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/02/2017, ông N xác định ông không có liên quan gì đến vụ án bà T kiện ông L, bà C1. Lúc ở Úc ông có nghe ông L và bà C1 nói là đã trả tiền cho bà T rồi, nội dung trong đĩa ghi âm là đúng sự thật, nhưng thực tế ông L, bà C1 có trả hay không và đã trả bao nhiêu ông hoàn toàn không biết, cũng không biết ông L, bà C1 mượn của bà T bao nhiêu tiền. Ông N chỉ nhớ trong khoảng thời gian ở chung với vợ chồng ông L, bà C1 ở Úc thì ông có nhờ ông Đ (không rõ địa chỉ) chuyển tiền cho bà T 07 lần với số tiền trên 20.000AUD vào tài khoản của bà T là sự thật. Khi về Việt Nam, ông thấy phiếu chuyển tiền không có giá trị nên ông bỏ lại, còn thực tế ông L, bà C1 có lấy những phiếu chuyển tiền của ông hay không ông cũng không biết, nên ông xác định không liên quan gì đến các khoản nợ của ông L, bà C1 đối với bà T nên ông xin không tham gia hòa giải và xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST, ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 thanh toán cho bà Nguyễn Thị Yến T số tiền là 155.568.600 đồng (tương đương 9.000 AUD).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến T buộc ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 thanh toán cho số tiền còn lại 380.278.800 đồng (tương đương số tiền 22.000 AUD).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/3/2017 ông Lê Minh C, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Yến T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Yến T số tiền 31.000 AUD (Đô Úc).

Ngày 17/3/2017 ông Trần Quốc L và bà Cao Thị Ngọc C1 là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận 03 khoản tiền đã trả cho bà Nguyễn Thị Yến T là 11.500 AUD.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 có trách nhiệm trả (hỗ trợ tiền làm phát) cho bà Nguyễn Thị Yến T số tiền 233.000.000 đồng, thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yến T tự nguyện thi hành là 11.650.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Yến T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 000723 ngày 01/12/2014 nay bà Nguyễn Thị Yến T được nhận lại số tiền là 1.510.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1, bà Nguyễn Thị Yến T mỗi người phải chịu là 300.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống

nhất sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 có trách nhiệm trả (hỗ trợ tiền làm phát) cho bà Nguyễn Thị Yên T số tiền 233.000.000 đồng, thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yên T tự nguyện thi hành là 11.650.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Yên T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 000723 ngày 01/12/2014 nay bà Nguyễn Thị Yên T được nhận lại số tiền là 1.510.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1, bà Nguyễn Thị Yên T mỗi người phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS- ST ngày 03/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 có trách nhiệm trả (hỗ trợ tiền làm phát) cho bà Nguyễn Thị Yên T số tiền 233.000.000 đồng, thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yến T tự nguyện thi hành là 11.650.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Yến T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 000723 ngày 01/12/2014 nay bà Nguyễn Thị Yến T được nhận lại số tiền là 1.510.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 có trách nhiệm thi hành mỗi người là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 tạm nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 001041 ngày 20/3/2017 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 001063 ngày 05/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Trần Quốc L, bà Cao Thị Ngọc C1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Yến T có trách nhiệm thi hành là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng do ông Lê Minh C là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến T nộp theo Biên lai thu tiền số 001040 ngày 15/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị Yến T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- ND, ĐDND (2);
- BD, ĐDBĐ (3);
- NLQ (1);
- Lưu VP (3). HS (2). 16b (QĐ-36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

